

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;
2. Ông Lê Đức Thụy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: bà Đoàn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2014/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2014 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 576/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Thái Thị B, sinh năm 1941.

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà B. Có bà Thái Thị T, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 28.6.2018). (có mặt).

- 2. Bị đơn:***
- Ông Thái Trường G, sinh năm 1981. (vắng mặt).
 - Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1982. (vắng mặt).

Địa chỉ cùng ngụ: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. (Có văn bản xin vắng mặt).

3.2. Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh An Giang. (Có văn bản xin vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà T. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 477A/24, đường Q, khóm B, phường B, Tp L, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 23.8.2016). (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Ông Thái Văn T, sinh năm 1959. (có mặt).

3.5. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1957. (vắng mặt).

Địa chỉ cùng ngụ: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

3.6. Ông Thái Văn H, sinh năm 1946.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3.7. Ông Thái Văn N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Thái Thị Yến T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 4, Tp T, tỉnh Tây Ninh.

3.9. Bà Thái Thị T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Bà Huỳnh Kim C, sinh năm 1968.

3.11. Bà Huỳnh Thị Diệu H, sinh năm 1969.

3.12. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1972.

3.13. Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1974.

Địa chỉ cùng ngụ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của ông H, ông N, bà T1, bà C1, bà H, bà P, bà C: Bà Thái Thị T, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 08.7.2019 và ngày 15.7.2019). (có mặt).

3.14. Cháu Thái Phúc A, sinh năm 2010.

Người đại diện theo pháp luật của Thái Phúc A. Có ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L. (vắng mặt).

Địa chỉ cùng ngụ: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Thái Thị B trình bày: Nguyên trước đây bà có 01 phần diện tích đất 557,1m² do ông, bà để lại cho cha bà là ông Thái Văn D (chết năm 1995) và mẹ là bà Lê Thị T (chết năm 2012). Cha, mẹ cho lại bà vào năm 1990 việc cho đất không làm giấy tờ, đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Bà cất nhà và sinh sống trên phần đất này từ năm 1990 đến nay; đến năm 1999 bà đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà. Thời gian này em bà là ông Thái Văn T và con ông T là Thái Trường G tự kê khai xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và kê khai luôn phần đất của bà; ông G cùng vợ là bà Trần Thị Trúc L được UBND huyện C cấp Giấy CN QSDĐ số CH03993 ngày 24.02.2014 diện tích 557,1m². Nay, bà yêu cầu hủy Giấy CN QSDĐ số CH03993 ngày 24.02.2014 diện tích 557,1m² của UBND huyện C cấp cho ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L để trả lại diện tích nói trên cho bà.

Bị đơn ông Thái Trường G, ông G cũng là người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà Trần Thị Trúc L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà nội của ông để lại cho bà B (bà B là cô ruột của ông), do thời gian bà B đi làm ăn xa nên ông đã xin cấp Giấy CN QSDĐ của ông và xin cấp luôn phần đất của bà Thái Thị B diện tích 557,1m². Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; được UBND huyện C cấp ngày 24.02.2014 cho ông cùng vợ là Trần Thị Trúc L. Nay, ông và vợ ông đồng ý trả lại diện tích đất nói trên cho bà Thái Thị B.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08.8.2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B và ông G về việc hủy Giấy CN QSDĐ của ông G, ông G trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà B.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Có ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông đề nghị thi hành theo Bản án số 32/DSST ngày 04.3.2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã có hiệu lực pháp luật; để đảm bảo quyền của bà T vì bà T là người được thi hành án đối với tài sản tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND huyện C, tỉnh An Giang, (có văn bản xin vắng mặt); Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh An Giang. (có văn bản xin vắng mặt), bà Phạm Thị P, ông Thái Văn H, ông Thái Văn N, bà Thái Thị Yến T, bà Huỳnh Kim C, bà Huỳnh Thị Diệu H, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng bà P, ông H, ông N, bà Yến T, bà Kim C1, bà Diệu H, bà P, bà Kim C vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà Phương, ông H, ông N,

bà Yến T, bà Kim C1, bà Diệu H, bà P, bà Kim C về nội dung đơn khởi kiện của bà Thái Thị B.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Bà Thái Thị B ủy quyền cho bà Thái Thị T, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Thái Trường G, bà Trần Thị Trúc L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Văn T, bà Phạm Thị P (ủy quyền cho ông T), bà Thái Thị T đồng thời là người đại diện ủy quyền của các ông, bà Thái Văn H, Thái Văn Nhân, Huỳnh Kim C, Huỳnh Thị Diệu H, Huỳnh Thị Kim C, Huỳnh Thị P, Thái Yến Trinh, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng, em Thái Phúc A (do ông G, bà Linh đại diện), bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, Ủy ban nhân dân huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Theo bà Thái Thị B trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 557,1m² là của ông Thái Văn D (chết năm 1995), bà Lê Thị T (chết năm 2012), cha mẹ của bà Thái Thị B. Năm 1990, bà B được ông D, bà T tặng cho diện tích đất nêu trên (không có văn bản và chưa được cấp quyền sử dụng đất) và cất nhà ở ổn định đến nay. Năm

1999, khi đo đạc đại trà, ông Thái Văn T (em của bà B) kê khai và cho ông Thái Trường G (con của ông T) đứng tên trên quyền sử dụng đất. Năm 2014, bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ccưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất để thi hành cho bà Nguyễn Thị T. Nay, bà B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993 ngày 24/02/2014 của UBND huyện Ccấp cho ông G và công nhận quyền sử dụng đất diện tích 557,1m² cho bà B.

Phía ông Thái Trường G, bà Trần Thị Trúc L thống nhất giao trả diện tích đất 557,1m² cho bà B nhưng bà Nguyễn Thị T không đồng ý do đất đang bị kê biên thi hành án cho bà T.

Xét thấy, tài sản đang tranh chấp diện tích 557,1m² theo giấy chứng nhận QSD đất số CH03993 ngày 24/02/2014 của UBND huyện Ccấp cho ông G, bà Linh, hiện bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cra quyết định kê biên để thi hành cho bà T với số tiền phải thi hành án 287.451.000đ, 02 lượng vàng 24K loại 9999 và lãi suất chậm thi hành án. Các đương sự thống nhất nguồn gốc diện tích đất 557,1m² do ông D, bà T để lại. Ông D, bà T chết không để lại di chúc và chưa phân chia di sản thừa kế.

Bà B cho rằng đã được ông D, bà T tặng cho bà diện tích đất này nhưng không có giấy tờ chứng minh, bà B có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993 ngày 24/02/2014 của UBND huyện Ccấp cho ông G, bà Linh và công nhận quyền sử dụng đất diện tích 557,1m² cho bà nhưng chưa được sự thống nhất các hàng thừa kế của ông D, bà T nên Tòa án đã tiến hành đưa các hàng thừa kế của ông D, bà T tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tòa án đã tiến hành trích lục toàn bộ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho ông G, bà Linh thể hiện: Năm 2000, ông T kê khai và cho ông G đứng tên trên quyền sử dụng đất diện tích 1.147,1m² tại thời điểm kê khai đã có căn nhà của bà B trên đất nhưng không ghi nhận ý kiến của bà B. Năm 2014, ông G, bà Linh chuyển nhượng một phần diện tích đất vào còn lại 557,1m² có căn nhà của bà B đang tranh chấp. Tại Công văn số 85/PTNMT-ĐĐ ngày 04/5/2016 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện C, xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993 ngày 24/02/2014, diện tích 557,1m² cho ông G, bà Linh là không đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993 ngày 24/02/2014.

Ngoài ra, bà B còn yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 557,1m² cho bà, tại phiên tòa bà Tiết rút lại yêu cầu này nên cần đình chỉ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; các Điều 105, 166, 203 Luật đất đai; Điều 34, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993 ngày 24/02/2014 do UBND huyện C cấp cho ông Thái Trường G, bà Trần Thị Trúc L.
- Bà Thái Thị B có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.
- Đình yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 557,1m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thái Thị B khởi kiện ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L. Ông G, bà Linh có nơi cư trú tại ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND huyện C, tỉnh An Giang, (có văn bản xin vắng mặt); Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh An Giang. (có văn bản xin vắng mặt), bà Nguyễn Thị T, ông Thái Văn T, bà Phạm Thị P, ông Thái Văn H, ông Thái Văn N, bà Thái Thị Yến T, bà Huỳnh Kim C, bà Huỳnh Thị Diệu H, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị Kim C và ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Thái Văn D (chết năm 1995) và mẹ là bà Lê Thị T (chết năm 2012). Ông D, bà T là cha, mẹ của bà B trước khi chết ông D, bà T có cho bà B diện tích đất khoảng 557,1m² việc tặng cho không làm giấy tờ, bà B đã cất nhà và sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, đất tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau đó, đến năm 1999 do điều kiện kinh tế nên bà B đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà; khi có chủ trương của Nhà nước đo đạc đất thổ cư nông thôn theo Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13.02.1999 của UBND tỉnh An Giang, thì ông T (em ruột bà B) và ông Thái Trường G (là cháu của bà B), ông G đại diện cho hộ gia đình kê khai đăng ký xin cấp Giấy CN QSDĐ của gia đình và ông G kê khai đăng ký luôn phần đất của bà Thái Thị B, có 01 căn nhà của bà B đang sử dụng. Ngày 24.02.2014 ông Thái

Trường G, bà Trần Thị Trúc L được UBND huyện Cấp Giấy CN QSDĐ số CH03993, theo thửa đất số 205, tờ bản đồ số 45, diện tích 557,1m². Nay, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy CN QSDĐ số CH03993, theo thửa đất số 205, tờ bản đồ số 45, diện tích 557,1m² mà UBND huyện Cấp cho ông G, bà Linh. Ông T, ông G và bà Linh cũng thừa nhận khi kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình có kê khai luôn phần đất của bà B. Nay, gia đình ông đồng ý trả lại diện tích 557,1m² mà UBND huyện Cấp cho gia đình ông.

[3] Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T đề nghị thi hành theo Bản án số 32/DSST ngày 04.3.2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo quyền của bà T vì bà T là người được thi hành án đối với tài sản tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T đề nghị Tòa án thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không đề cập đến việc yêu cầu độc lập nên Tòa án không thụ lý. Do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

Các đương sự thống nhất theo số liệu bản vẽ ngày 31.10.2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Đất thực tế có diện tích: 557,1m² tổng diện tích đất do bà B đang quản lý sử dụng tất các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lại.

Ngày 04.5.2016 Ủy ban nhân dân huyện Cdo ông Nguyễn Văn Viễn đại diện theo ủy quyền có Văn bản trả lời: Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L. Nguồn đất của hộ ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ là của cha Thái Văn T cho lại. Khi có chủ trương đo đạc đất thổ cư nông thôn theo Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13.02.1999 của UBND tỉnh An Giang, ông Thái Trường G đại diện cho hộ gia đình kê khai đăng ký xin cấp giấy có 01 căn nhà của bà Thái Thị B đang sử dụng, trong hồ sơ lưu không có ý kiến thống nhất của bà Thái Thị B. Đến ngày 16.02.2001, ông Thái Trường G được UBND huyện Cấp giấy CN QSDĐ số 04212/pB (diện tích 1.147,1m² loại đất:T, LNK Tộc tờ bản đồ số 45, thửa số 64). Sau đó, đến năm 2012 ông Thái Trường G xin cấp mới giấy nhà và được UBND huyện Cấp Giấy CN QSDĐ số CH 01319 ngày 13.4.2012 diện tích 1.147,1m² loại đất:T, LNK Tộc tờ bản đồ số 45, thửa số 64.

Ngày 22.01.2014 ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L làm thủ tục sang tên Giấy CN QSDĐ số CH 01319 ngày 13.4.2012 diện tích 1.147,1m² loại đất: T, LNK Tộc tờ bản đồ số 45, thửa số 64 cho ông Nguyễn Công D và Lê Thị Kim Diễm. Diện tích còn lại của ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L Tộc Giấy CN QSDĐ số CH03993 cấp ngày 24.02.2014. Tuy nhiên, trên phần đất còn lại của ông G và bà Linh thì có căn nhà của bà Thái Thị B cất và sử dụng từ năm 1990 đến nay.

Do đó, việc cấp Giấy CN QSDĐ số CH03993 cấp ngày 24.02.2014 diện tích 557,1m² cho ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L là không đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định. Đề nghị hủy Giấy CN QSDĐ số CH03993 cấp ngày 24.02.2014 diện tích 557,1m² cho ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Thái Thị T rút lại 01 phần yêu cầu về việc đề nghị Tòa án cấp Giấy CN QSDĐ với diện tích 557,1m² đất trồng cây lâu năm cho bà Thái Thị B. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị B.

Vậy, phân tích từ những chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị B.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B về việc yêu cầu Tòa án cấp Giấy CN QSDĐ với diện tích 557,1m² đất cho bà Thái Thị B.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993, thửa đất số 205, tờ bản đồ số 45, diện tích 557,1m²; do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L ngày 24.02.2014.

- Tạm giao cho bà Thái Thị B 557,1m² đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; được thể hiện tại các mốc điểm 1,2,3,4 theo sơ đồ hiện trạng bản vẽ ngày 31.10.2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang. (Bản vẽ ngày 31.10.2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án).

- Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà B tự nguyện chịu 1.873.400 đồng. Bà B đã nộp xong.

[4] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 117, 129 và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 105, 166, 167, 188 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;
- Các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Thái Thị B.
 2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu Tòa án cấp Giấy CN QSDĐ với diện tích 557,1m² đất cho bà Thái Thị B.
 3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03993, thửa số 205, tờ bản đồ số 45, diện tích 557,1m²; do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L ngày 24.02.2014.
 4. Tạm giao cho bà Thái Thị B diện tích 557,1m² đất trồng cây lâu năm. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; được thể hiện tại các mốc điểm 1,2,3,4 theo sơ đồ hiện trạng bản vẽ ngày 31.10.2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang. (Bản vẽ ngày 31.10.2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời bản án).
 5. Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
 6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Bà B tự nguyện chịu 1.873.400đồng. Bà B đã nộp xong.
 7. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 7.1. Ông Thái Trường G và bà Trần Thị Trúc L liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).
 - 7.2. Bà Thái Thị B không phải chịu án phí bà B được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.100.000 đồng (*ba triệu một trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai T tiền số 06009 ngày 01.10.2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.
 8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.
- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án*

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. C;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thanh